

Nghiên cứu đa dạng hóa thị trường tiêu thụ chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre

THS. HOÀNG VĂN VIỆT

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Nghiên cứu thực hiện tại tỉnh Bến Tre và thị trường tiêu thụ bưởi da xanh tại Tp. Hồ Chí Minh, với mục tiêu phân tích hiện trạng hoạt động của chuỗi giá trị và thị trường tiêu thụ bưởi da xanh, từ đó đề xuất các chính sách đối với ngành bưởi da xanh Bến Tre nhằm phát triển thị trường tiêu thụ, ổn định giá bán và gia tăng thu nhập của các tác nhân, đặc biệt là người nông dân. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết liên kết chuỗi giá trị của GTZ, kết hợp khung phân tích chuỗi giá trị vì người nghèo của M4P và khung phân tích tài chính chuỗi giá trị của FAO để phân tích mối quan hệ giữa các tác nhân, phân tích chi phí và lợi nhuận, giá trị gia tăng và đóng góp của chuỗi giá trị. Kết quả cho thấy chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao và thu nhập cho các tác nhân tốt, đặc biệt là người nông dân, và phân bổ lợi nhuận giữa các tác nhân khá hợp lý.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, bưởi da xanh, Bến Tre, Tp. Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

VN nói chung là quốc gia có lợi thế cao nông nghiệp và vai trò của ngành này ngày càng gia tăng. Trong đó, Bến Tre là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long với điều kiện tự nhiên hết sức thuận lợi cho nông nghiệp, đặc biệt là cây ăn trái. Những ngành kinh tế chủ lực của tỉnh bao gồm cây ăn trái, thủy sản, lúa, dừa và chế biến nông nghiệp, ngoài ra ngành chăn nuôi cũng đang phát triển tốt. Tỉnh Bến Tre đang có những chính sách nhằm phát triển kinh tế dựa trên những lợi thế của mình là nông nghiệp thông qua đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm chế biến từ nông nghiệp;

đồng thời tạo ra nhiều việc làm cho người dân, hỗ trợ phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (Trần Tiến Khai và cộng sự 2011).

Bưởi da xanh đang nổi bật lên với giá trị tiêu dùng và giá trị kinh tế cao, được thị trường yêu thích. Tỉnh Bến Tre đang rất quan tâm phát triển cây trồng này với nhiều chương trình hỗ trợ, đặc biệt là dự án 4000 ha bưởi da xanh. Bưởi da xanh là một trong 12 sản phẩm cây ăn trái chủ lực của Nam Bộ theo quy hoạch chiến lược của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (Thu Nga, 2013), được trồng chủ yếu các tỉnh miền Tây Nam Bộ, trong đó Bến Tre có diện tích canh tác

bưởi da xanh lớn nhất nước. Giá bưởi da xanh trong những năm gần đây tăng cao, với năng suất khoảng 11 tấn/ha mang lại thu nhập rất tốt cho người nông dân và các tác nhân khác trong chuỗi; đồng thời có đóng góp không nhỏ vào kinh tế xã hội tỉnh Bến Tre, điều này đã thúc đẩy nhiều người nông dân chuyển đổi các loại cây trồng khác sang bưởi da xanh. Tuy nhiên, tới nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá cụ thể đóng góp và hoạt động của ngành này. Hơn nữa, mặc dù giá bưởi da xanh đang ở mức cao do sâu bệnh làm giảm cung, nhiều diện tích bưởi mới canh tác chưa cho thu hoạch và do nhu cầu đang cao. Nhưng dự kiến, cung

sản lượng bưởi sẽ tăng mạnh và thị trường sẽ biến động trong thời gian tới. Vì vậy, nghiên cứu chuỗi giá trị bưởi da xanh hướng tới mục tiêu là thấy được cấu trúc của chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre, sự vận hành của chuỗi hiện nay cùng với những mối quan hệ kinh tế, thương mại giữa các tác nhân; đồng thời tìm hiểu hiệu quả và đặc biệt là tìm kiếm cơ hội nâng cấp đa dạng thị trường tiêu thụ nhằm ổn định đầu ra và thu nhập cho nông dân.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết

Chuỗi giá trị nói chung đề cập tới quá trình vận động của hàng hóa và dịch vụ cho tới tay người tiêu dùng cuối cùng với các công cụ và khung phân tích khác nhau, trong nghiên cứu này tác giả sử dụng ba phương pháp phân tích của GTZ, M4P và FAO. Phân tích của GTZ tập trung vào phương pháp luận thúc đẩy chuỗi giá trị bao gồm 12 module, được chia theo từng chu kỳ của mỗi dự án. Trong đó module 2 đi vào phân tích chuỗi giá trị và module 3 xây dựng một chiến lược nâng cấp chuỗi giá trị. Cụ thể, tác giả áp dụng module 2 để thể hiện các thành phần, tác nhân, hàng hóa, quan hệ... trong chuỗi giá trị. Module 3 có năm hoạt động, trong đó nghiên cứu này chỉ sử dụng hoạt động hai là phân tích các thuận lợi và khó khăn của chuỗi; và hoạt động bốn là xác định các chủ thể tham gia vào việc thực hiện chiến lược nâng cấp. Mô hình của M4P thiên về phân tích chi phí - lợi nhuận và phân chia thu nhập giữa các tác nhân trong chuỗi. Mô hình này có 8 công cụ với các bước cụ

thể khác nhau, trong đó tác giả sử dụng công cụ (2) Lập sơ đồ chuỗi giá trị, công cụ (3) Phân tích chi phí và lợi nhuận, công cụ (5) Phân tích thu nhập trong chuỗi, công cụ (6) Phân tích việc làm trong chuỗi và công cụ (8) Phân tích liên kết trong chuỗi giá trị. Tác giả sử dụng khung phân tích chuỗi ngành hàng của FAO theo 2 cách sau: (1) Đây là công cụ phân tích tài chính hoàn chỉnh với các thành phần khác nhau dọc theo chuỗi giá trị. (2) Là khung phân tích cho phép theo dõi có hệ thống các thông tin để phân tích kinh tế, vì vậy mở rộng phân tích tài chính. Khái niệm quan trọng nhất trong phân tích chuỗi giá trị là giá trị gia tăng (VA). Tác giả sử dụng khung phân tích FAO để tính các chỉ số giá trị gia tăng (VA), chi phí trung gian (IC), doanh thu (P), lợi nhuận gộp (GrP) và lợi nhuận ròng (NrP) theo giá thị trường; đó là những chỉ số quan trọng để phân tích và đánh giá hoạt động, hiệu quả, công bằng và đóng góp của chuỗi giá trị.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu phân tích chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre kết hợp sử dụng các phương pháp định tính và định lượng khác nhau. Trong đó phương pháp định tính được sử dụng cho phương pháp chọn mẫu có mục đích, thu thập các số liệu mở, phân tích các tài liệu thứ cấp, so sánh với số liệu điều tra và báo cáo khác, phỏng vấn chuyên gia và quan sát hiện tượng, phân tích SWOT, tổng hợp ý nghĩa và giải thích các kết quả nghiên cứu. Về phương pháp định lượng, nghiên cứu sử dụng các công cụ điều tra thống kê, phân tích chi phí - lợi

nhuận, phân tích giá trị gia tăng cho từng tác nhân và toàn bộ chuỗi giá trị. Về dữ liệu, nghiên cứu này sử dụng cả dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như Cục thống kê Bến Tre, các Sở ban ngành, Trung tâm khuyến nông khuyến ngư. Dữ liệu sơ cấp từ điều tra và phỏng vấn các chuyên gia. Việc chọn mẫu được thực hiện theo phương pháp phi xác suất do tổng thể mẫu nông hộ dưới Bến Tre là không thể xác định và khó lập danh sách; thứ hai là để phỏng vấn và thu thập thông tin cần phải dựa vào mối quan hệ, giới thiệu; thứ ba là để nghiên cứu được hiệu quả kinh tế của chuỗi cần phải khảo sát các tác nhân có sự liên kết với nhau về hoạt động và kinh tế; thứ tư mục tiêu nghiên cứu là nhằm tìm hiểu bản chất của chuỗi giá trị và các quan hệ nội tại giữa các nhóm tác nhân tham gia, mà không nhằm vào việc tìm ra những chỉ báo kinh tế - kỹ thuật mang tính đại diện một cách chắc chắn cho toàn bộ ngành bưởi da xanh Bến Tre. Do mục tiêu nghiên cứu và giới hạn nguồn lực, cỡ mẫu bao gồm 30 nông dân ở Mỏ Cày Bắc và Châu Thành; 10 thương lái và 5 vựa thu gom sơ chế Mỏ Cày Bắc (là tổng thể). Các đối tượng khảo sát ở thị trường TP.HCM là 5 tác nhân bán sỉ và 10 bán lẻ. Khảo sát chuyên gia được thực hiện tại Sở ban ngành, Trung tâm, Hiệp hội, cán bộ xã huyện và Doanh nghiệp. Khảo sát được thực hiện năm 2013 và số liệu tính toán theo năm 2012. Để đạt mục tiêu tìm kiếm đa dạng thị trường, nghiên cứu phân tích sâu nhu cầu của một số thị trường

xuất khẩu tiềm năng là EU và Nhật Bản.

3. Kết quả và thảo luận

Thị trường bưởi VN và Bến Tre

Bưởi được trồng khá phổ biến ở VN từ Bắc tới Nam, trong đó Tây Nam Bộ là vùng có diện tích và sản lượng lớn nhất. Trên thế giới bưởi được trồng chủ yếu ở vùng Đông Nam Á và Trung Quốc, hai quốc gia có sản lượng và cung bưởi (bưởi đơn – pomelo) cao nhất là Trung Quốc và VN, tuy nhiên chất lượng bưởi Trung Quốc không bằng VN và chỉ có thể thu hoạch vào vụ mùa chính từ tháng 9 đến tháng 12, còn bưởi VN có thể cho thu hoạch quanh năm, đặc biệt là vùng phía Nam (Fresh Studio Innovaions Asia 2012)

Bưởi VN khá đa dạng về chủng loại và mẫu mã như da xanh, Năm Roi, Long Cổ Cò, Tân

Bảng 1: Diện tích và sản lượng bưởi da xanh Bến Tre

		Đơn vị	2005	2009	2010	2011	2012
1	Tổng diện tích	ha	3.004	4.340	4.422	4.144	4.528
2	Diện tích thu hoạch	ha	1.233	2.789	2.963	2.988	3.142
3	Sản lượng	tấn	32.211	33.921	35.997	38.650	15.827

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Bến Tre (2013)

Triều, Thanh Trà, Diễm, Đoàn Hùng... (tác giả tổng hợp được 14 loại). Trong đó bưởi da xanh được đánh giá là ngon và bắt mắt nhất. Hiện nay, bưởi da xanh có mức giá cao nhất so với các loại bưởi khác, do vậy nông dân các tỉnh đang gia tăng diện tích bưởi da xanh, đặc biệt là Bến Tre với dự án 4000ha (Bảng 1). Trước đây, bưởi da xanh được trồng chủ yếu ở Bến Tre và các tỉnh lân cận như Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, tuy nhiên hiện nay nhiều tỉnh miền Đông Nam Bộ và thậm chí các tỉnh Nam Trung Bộ đang

gia tăng diện tích bưởi da xanh (Ba Rô 2013).

Phân khúc thị trường tiêu thụ bưởi da xanh nội địa hiện nay chủ yếu là các đối tượng người tiêu dùng có thu nhập khá trở lên, đặc biệt là các vùng thành thị như TP.HCM và Hà Nội. Kênh phân phối chủ yếu là các cửa hàng bán lẻ trái cây cao cấp. Kênh siêu thị, đại siêu thị và hệ thống của hàng tiện ích thường không ổn định (Khảo sát của tác giả 2013).

Phân tích thị trường bưởi quốc tế.

Bảng 2: Sản lượng sản xuất bưởi thế giới và các quốc gia lớn nhất (tấn)

Stt	Quốc gia	2006	2007	2008	2009	2010	2011
	Thế giới	4.829.076	6.831.332	7.144.847	7.126.698	7.099.516	7.893.318
1	Trung Quốc	495.178	2.352.786	2.606.145	2.768.306	2.884.820	3.610.932
2	Mỹ	1.117.650	1.474.786	1.404.320	1.182.970	1.123.095	1.146.680
3	Nam Phi	415.212	388.657	340.927	406.628	343.055	415.679
4	Mexico	387.339	313.497	394.865	431.670	400.934	397.267
5	Thái Lan	295.210	308.079	320.122	305.500	294.949	378.979
22	VN	23.000	23.200	24.000	24.481	25.538	26.115

Nguồn: FAO 2013

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu bưởi thế giới (đơn vị: 1000USD)

Stt	Vùng	2006	2007	2008	2009	2010	2011
	Thế giới	667.224	831.849	826.008	815.051	890.666	894.205
1	Mỹ	221.846	268.438	194.402	185.670	200.588	178.299
2	Hà Lan	73.935	102.212	112.704	115.037	141.363	131.553
3	Nam Phi	70.461	99.441	82.459	84.813	94.396	119.699
4	Thổ Nhĩ Kỳ	55.411	52.778	81.776	88.261	101.909	109.924
5	Trung Quốc	21.562	51.121	70.673	85.192	89.142	86.428
21	VN	205	693	900	1.152	2.066	4.461

Nguồn: FAO 2013

Thị trường thế giới

Bưởi là một loại trái cây khá phổ biến trên thế giới và sản lượng sản xuất khá lớn. Theo số liệu của tổ chức FAO, sản lượng bưởi (bao gồm bưởi đơn và bưởi chùm) toàn thế giới năm 2011 là hơn 7.893 ngàn tấn, và tăng đều qua các năm. Các quốc gia có sản lượng bưởi lớn nhất là Trung Quốc hơn 3.610 ngàn tấn chiếm 50% sản lượng, kế đó là Mỹ, Nam Phi, Mexico và Thái Lan; VN đứng thứ 22 thế giới về xuất khẩu bưởi với hơn 26 ngàn tấn năm 2011. (Bảng 2).

Giá trị xuất khẩu bưởi thế giới năm 2011 là hơn 894 triệu USD, trong đó các quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới là Mỹ, Hà Lan, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc; VN đứng thứ 21 thế giới về xuất khẩu bưởi (Bảng 3).

Giá trị nhập khẩu bưởi thế giới năm 2011 là hơn 1.023 triệu USD và gia tăng đều qua các năm kể từ 2006 tới 2011. Các quốc gia nhập khẩu nhiều nhất là Hà Lan, Nhật Bản, Nga, Pháp và Đức (Bảng 4). Trong đó, đáng chú ý là Hà Lan, quốc gia này vừa là quốc gia xuất khẩu lớn thứ hai, nhưng đồng thời cũng là quốc gia nhập khẩu lớn nhất thế giới. Điều đó thể hiện phần lớn sản lượng bưởi nhập khẩu của Hà Lan nhằm mục đích xuất khẩu.

Thị trường EU

Theo báo cáo của CBI, thì EU đây là một thị trường bưởi rất tiềm năng với mức tiêu thụ ngày càng tăng nhưng so với các loại trái cây có múi khác vẫn thấp. Trong đó Pháp, Đức và Anh là những thị trường tiêu thụ lớn nhất. Châu Âu không thể tự sản xuất được bưởi (xét về thương mại) nên phải nhập khẩu. Nguồn cung bưởi chủ

Bảng 4: Giá trị nhập khẩu bưởi thế giới (đơn vị: 1000USD)

Stt	Vùng	2006	2007	2008	2009	2010	2011
	Thế giới	798.247	933.696	995.207	946.899	990.951	1.023.788
1	Hà Lan	121.223	136.088	145.092	160.894	188.199	184.011
2	Nhật	181.595	196.739	180.197	180.445	186.645	177.021
3	Nga	33.226	56.767	61.013	61.934	87.316	119.999
4	Pháp	77.461	91.585	90.422	78.122	78.991	72.564
5	Đức	47.218	70.058	93.608	83.341	74.634	68.266

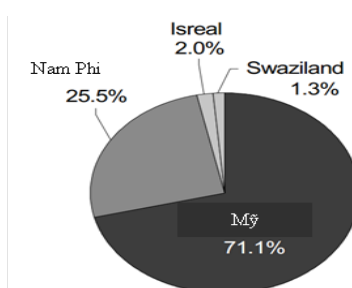
Nguồn: FAO 2013

yếu vào EU hiện nay là từ các nước đang phát triển (chiếm hơn 39%), đứng đầu là Trung Quốc và Nam Phi. Hà Lan là quốc gia nhập khẩu và phân phối bưởi chính ở thị trường EU, sau đó là Pháp, Ba Lan và Anh. Siêu thị là kênh bán lẻ bưởi chính, trong đó mức tiêu thụ bưởi cao nhất ở EU là mùa đông khi nguồn cung tăng cao. Người tiêu dùng ở EU biết tới bưởi chùm nhiều hơn là bưởi đơn. Hiện nay, bưởi đơn vẫn chưa phải là phổ biến ở tất cả các nước trong khu vực EU. Trước năm 2004, bưởi đơn chưa xuất hiện trong các siêu thị mà chủ yếu trong các cửa hàng tạp hóa. Sau đó Trung Quốc cung cấp bưởi với số lượng ổn định cho thị trường EU và ngày càng mở rộng thị phần. Thị trường tiêu thụ bưởi ở Pháp tăng trưởng mạnh mẽ, ngày nay bưởi trở thành phổ biến ở các siêu thị tại Đức và Anh.

Thị trường Nhật Bản

Nhật Bản với dân số hơn 127 triệu người và tổng sản phẩm quốc nội đạt 5.459 ngàn tỷ USD năm 2010, là nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Hơn nữa, Nhật Bản có điều kiện tự nhiên không thuận lợi để canh tác các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là trái cây. Trái cây tại Nhật có giá khá cao, người tiêu dùng rất ưa chuộng các sản phẩm tự nhiên như trái cây, tuy nhiên yêu cầu

Hình 1: Tỷ trọng nguồn cung bưởi lớn nhất vào thị trường Nhật 2010 (JETRO 2011)

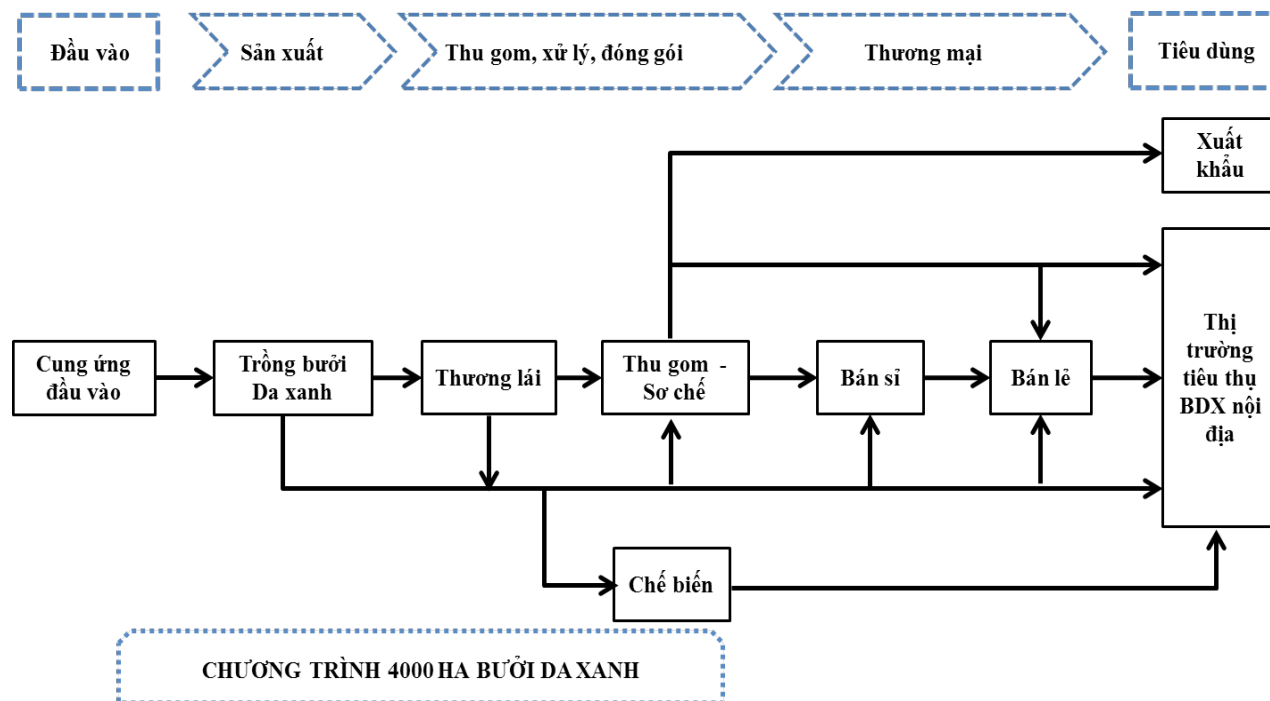


của thị trường Nhật Bản về mẫu mã, phẩm cấp và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm là rất cao. Theo số liệu của FAO, Nhật Bản là một trong những quốc gia nhập khẩu bưởi lớn nhất thế giới và đạt mức cao nhất là vào năm 2004 với khối lượng nhập khẩu lên tới hơn 288 ngàn tấn chiếm hơn 28% tổng sản lượng nhập khẩu bưởi. Hàng năm, Nhật Bản nhập khẩu hơn 174 ngàn tấn bưởi, nguồn nhập khẩu chính là từ Mỹ với hơn 124 ngàn tấn, chiếm hơn 71% tổng khối lượng nhập khẩu; thứ hai là từ Nam Phi với hơn 25%, từ Isreal 2% và Switzeland là 1,3% (Hình 1).

3. Sơ đồ tổng quan chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre hoạt động dựa vào sự gắn kết và tương tác giữa các tác nhân khác nhau, bao gồm các tác nhân trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh và các tác nhân đóng vai trò cung cấp hàng hóa và vai

Hình 2: Sơ đồ chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre



TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG – KHUYẾN NGƯ	TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ THƯƠNG MẠI BẾN TRE; HIỆP HỘI BDX	
NGÂN HÀNG, CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG; VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN ; VIỆN THÔNG; ĐIỆN; NƯỚC	

trò hỗ trợ khác. Sơ đồ chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre bắt đầu từ các nhà cung ứng vật tư, máy móc. Kế tiếp là tác nhân trồng bưởi da xanh, họ đóng vai trò quan trọng nhất trong chuỗi giá trị, là tác nhân cơ bản tạo ra giá trị gia tăng và giá trị sản phẩm. Nông dân bán bưởi cho thương lái là chủ yếu, tác nhân này hoạt động lâu đời và rộng khắp các vùng nông nghiệp. Các thương lái sau khi thu gom sẽ bán lại cho các vựa trái cây lớn trong tỉnh, tác nhân này ngoài vai trò thu gom lớn còn có thêm công đoạn sơ chế. Kế tiếp là các vựa bán sỉ ở thành phố và cuối cùng là tác nhân bán lẻ trái cây tại thị

trường tiêu thụ cuối cùng. Ngoài ra, chuỗi có những kênh mua bán phụ khác. Nông dân bán hàng trực tiếp cho các vựa thu gom sơ chế, cửa hàng bán lẻ; thương lái bán trực tiếp cho các vựa trái cây bán sỉ và các cửa hàng bán lẻ. Tác nhân xuất khẩu bưởi da xanh chủ yếu là các vựa thu gom sơ chế lớn trong tỉnh và một số công ty thương mại xuất nhập khẩu. Các tác nhân cung cấp hàng hóa dịch vụ bao gồm các tổ chức tín dụng, giao nhận vận tải; và tác nhân hỗ trợ như các Sở ban ngành, Trung tâm khuyến nông khuyến ngư, Hiệp hội bưởi da xanh, Viện cây ăn trái miền Nam. Đặc biệt, gần đây là dự án 4000ha bưởi da xanh

mang lại nhiều tác động tích cực tới sự phát triển của ngành bưởi da xanh Bến Tre. Dòng sản phẩm chính của bưởi da xanh là trái cây tươi ăn trực tiếp và các phụ phẩm của bưởi dùng để chế biến như vỏ, cùi nhưng chưa được khai thác nhiều.

4. Phân tích chuỗi giá trị

Nông dân trồng bưởi da xanh

Đây là tác nhân đầu tiên trong chuỗi giá trị bưởi da xanh, nông dân mua đầu vào là vật tư nông nghiệp, giống và các công cụ khác từ các đại lý và thuê lao động tại địa phương để tiến hành sản xuất bưởi da xanh, lao động thuê ngoài chủ yếu là những công việc nặng nhọc như làm mương,

vết bùn, đào hồ và làm cỏ; những công việc khác như chăm sóc, phun thuốc, bón phân thì lao động nhà có thể tự làm; công thu hoạch thường là do thương lái thực hiện. Đầu ra tiêu thụ bưởi da xanh của nông dân chủ yếu là các thương lái và vừa thu gom sơ chế, một phần nhỏ bán trực tiếp cho các cửa hàng bán lẻ trên thành phố.

Diện tích đất trồng bưởi da xanh ở Bến Tre trung bình là 0,31ha/hộ hay tương đương với 0,11ha/lao động. Với năng suất trung bình là 11.500 kg/ha, trong đó năng suất cao nhất lên tới 25.556 kg và hộ có năng suất thấp nhất là 1.778 kg/ha, có sự chênh lệch rất lớn về năng suất giữa các hộ gia đình khác nhau, nguyên nhân là do mức độ thâm canh khác nhau, mật độ cây trồng khác nhau và đặc biệt là tuổi vườn và chế độ chăm sóc khác nhau giữa các hộ. Theo mức giá năm 2012 thì doanh thu trung bình của bưởi da xanh đạt khoảng 318 triệu đồng/ha/năm. Sau khi trừ các loại chi phí và chi phí khấu hao máy móc, khấu hao giai đoạn cơ bản thì lợi nhuận trung bình của nông dân đạt khoảng 214 triệu đồng/ha/năm. Nếu cộng thêm giá trị lao động gia đình thì thu nhập trung bình của nông dân trồng bưởi là khoảng 276 triệu đồng/ha/năm. Chi phí chính trong trồng bưởi da xanh là lao động chiếm tới 74% bao gồm cả lao động nhà và lao động thuê ngoài (chủ yếu là lao động thời vụ), phân bón và khấu hao giai đoạn cơ bản chiếm khá cao khoảng 8,6% và 8,8%. Nếu tính trên 1 tấn bưởi da xanh thì doanh thu của nông dân là 27,7 triệu đồng; chi phí trung gian là

1,2 triệu đồng giá trị gia tăng mà nông dân tạo ra trong 1 tấn bưởi da xanh lên tới 26,5 triệu đồng. Sau khi trừ chi phí lao động, chi phí khấu hao, các loại thuế phí thì lợi nhuận ròng của nông dân đạt 18,6 triệu đồng/tấn. Hiệu quả sử dụng vốn của nông dân trồng bưởi khá cao, chỉ số P/IC của bưởi da xanh là 23,43; chỉ số VA/IC của bưởi da xanh là 22,43 lần; chỉ số NPr/IC của bưởi da xanh là 15,78 lần.

Thương lái

Thương lái là tác nhân trực tiếp thu mua bưởi da xanh từ người nông dân và chủ yếu bán lại cho các vừa thu gom sơ chế trong tỉnh. Đây là tác nhân trung gian lâu đời và phù hợp với điều kiện phân tán và nhỏ lẻ của nông nghiệp VN, đóng vai trò kết nối giữa những người nông dân và những doanh nghiệp, vừa thu gom sơ chế lớn hoặc những tác nhân bán sỉ, bán lẻ tại thị trường tiêu thụ. Thương lái là những người nắm rõ những hoạt động sản xuất bưởi của nông dân như quy mô vườn, đặc điểm cây bưởi, thời điểm thu hoạch, điều kiện kinh tế và có mối quan hệ khá thân thiết và tin cậy lâu năm. Thương lái thường hoạt động trong một vùng nhất định, tự làm việc và có thuê thêm lao động thời vụ bên ngoài.

Chi phí chính của thương lái là chi phí mua bưởi da xanh, chiếm tới 93,6%. Doanh thu 1 tấn bưởi da xanh của thương lái đạt 33,7 triệu đồng, trong đó chi phí trung gian là 27,7 triệu đồng chiếm 82% và giá trị gia tăng là 5,9 triệu đồng chiếm 18%. Sau khi trừ đi các khoản chi phí thì thương lái có được khoản lãi ròng là 4,1 triệu đồng/tấn tương đương

12% doanh thu. Các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh doanh trên chi phí trung gian của thương lái khá thấp so với nông dân, nhưng là mức hợp lý đối với hoạt động thương mại vì chi phí mua hàng hóa khá cao. Chỉ số doanh thu trên chi phí trung gian (P/IC) là 1,21 lần, chỉ số giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC) là 0,21 lần và chỉ số lợi nhuận ròng trên chi phí (NPr/IC) là 0,15 lần

Thu gom sơ chế

Các cơ sở thu gom sơ chế bưởi da xanh là tác nhân kế tiếp trong chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre. Đầu vào của tác nhân này là bưởi thu mua từ thương lái và trực tiếp từ người nông dân, trong đó từ thương lái chiếm chủ yếu. Đầu ra của cơ sở thu gom sơ chế là các vừa bán sỉ và các cơ sở bán lẻ tại các thị trường tiêu thụ; một phần hàng hóa được xuất khẩu ra nước ngoài. Những cơ sở này trong tỉnh có số lượng không nhiều và thường phát triển lên từ thương lái. Tác nhân này có hoạt động sơ chế chủ yếu là những hoạt động kiểm tra phân loại, rửa và đánh bóng, sau đó dán nhãn và bao màng. Một số cơ sở hoạt động theo tiêu chuẩn Việt GAP hay Global GAP có đầu tư máy móc thiết bị mới nhưng không quá hiện đại và phức tạp. Một số cơ sở có sự liên kết khá chặt chẽ với các hợp tác xã và người nông dân thông qua hợp đồng, còn lại chủ yếu là mua đứt bán đoạn theo mối quan hệ lâu năm.

Quy mô hoạt động kinh doanh của các cơ sở thu gom sơ chế khá lớn, có thể lên tới hơn một tấn một năm. Tổng chi phí thu mua – sơ chế một tấn bưởi da xanh Bến Tre là hơn 35,7 triệu đồng, trong đó chi phí biến động chiếm

chủ yếu với 35,4 triệu đồng/tấn tương đương 99,3%; trong đó chi phí thu mua chiếm khá cao 33,7 triệu đồng/tấn tương đương 94,4%. Với doanh thu 1 tấn bưởi da xanh 38,7 triệu đồng và chi phí trung gian 34,15 triệu đồng thì tác nhân này tạo ra giá trị trung gian 4,6 triệu đồng/tấn. Sau khi trừ đi các chi phí thì lãi ròng là 3 triệu đồng/tấn. Hiệu quả sử dụng vốn của tác nhân thu gom sơ chế cũng khá thấp so với nông dân nhưng tương đồng với thương lái. Cụ thể chỉ số doanh thu trên chi phí trung gian (P/IC) chỉ có 1,13 lần, giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC) chỉ có 0,13 lần và lợi nhuận ròng trên chi phí trung gian (NPr/IC) chỉ có 0,09 lần.

Bán sỉ

Các tác nhân bán sỉ tại các thị trường tiêu thụ bưởi da xanh hiện khá đa dạng về hình thức hoạt động, trong đó hình thức phổ biến và lâu đời nhất là các vừa bán sỉ trái cây tại các chợ đầu

môi. Các vừa trái cây bán sỉ có vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị, đặc biệt là ở các khu vực xa như phía Bắc và miền Trung. Tại thị trường TP.HCM vai trò này bị hạn chế do khoảng cách khá gần. Đầu vào của các vừa bán sỉ từ các cơ sở thu gom sơ chế là chủ yếu và một phần là từ các thương lái. Đầu ra của vừa bán sỉ là các cửa hàng bán lẻ, kênh nhà hàng khách sạn và người tiêu dùng. Hoạt động kinh doanh của vừa bán sỉ có hai hình thức: một là mua đứt bán đoạn và tự cân đối thu chi, lời lỗ; hai là dựa trên chiết khấu.

Doanh thu một tấn bưởi da xanh của tác nhân này là 43,7 triệu đồng, trong đó chi phí trung gian 38,818 triệu đồng/tấn chiếm khoảng 89% doanh thu, giá trị gia tăng 4,882 triệu đồng/tấn tương đương 11% doanh thu. Sau khi trừ các chi phí thì tác nhân này có lợi nhuận ròng là 1,986 triệu đồng/tấn. Hiệu quả kinh doanh tính trên 1 đồng vốn chi phí trung

gian của tác nhân vừa bán sỉ gần tương đương với tác nhân thu gom – sơ chế. Chỉ số doanh thu trên chi phí trung gian (P/IC) là 1,13 lần, chỉ số giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC) là 0,13 lần, và chỉ số lợi nhuận ròng trên chi phí trung gian của tác nhân này chỉ là 0,05 lần.

Bán lẻ

Các cơ sở bán lẻ là tác nhân kinh doanh cuối cùng trong chuỗi giá trị bưởi da xanh, hình thức và quy mô hoạt động của tác nhân này rất đa dạng, từ các cửa hàng nhỏ lẻ, các điểm bán trái cây vỉa hè tới các hệ thống siêu thị và đại siêu thị quy mô lớn. Tuy nhiên, thường thì chỉ các cửa hàng bán lẻ tại các chợ truyền thống và cửa hàng ngoài phố mới lấy hàng từ các vừa bán sỉ, còn các siêu thị hay đại siêu thị thường lấy hàng trực tiếp từ vừa thu gom sơ chế và thậm chí là từ nông dân hay thương lái với hệ thống thu mua riêng. Các cửa hàng bán lẻ thường có quy mô nhỏ và rất nhỏ, hoạt

Bảng 5: Phân tích hiệu quả và phân phối thu nhập của 1 tấn bưởi da xanh (2012)

	Đơn vị	Nông Dân	Thương lái	Thu gom-sơ chế	Bán Sỉ	Bán Lẻ	Toàn kênh
Doanh thu	1.000đ	27.700	33.700	38.700	43.700	55.700	
Chi phí trung gian	1.000đ	1.182	27.740	34.150	38.818	43.789	1.879
Giá trị gia tăng	1.000đ	26.518	5.960	4.550	4.882	11.911	53.821
Chỉ số P/IC	lần	23,4	1,21	1,13	1,13	1,27	
Chỉ số VA/IC	lần	22,4	0,21	0,13	0,13	0,27	
Chỉ số NPr/IC	lần	15,8	0,15	0,09	0,05	0,13	
Chi phí	1.000đ	9.048	29.581	35.688	41.738	49.844	
Chi phí tăng thêm	1.000đ	9.048	1.881	1.988	3.038	6.144	22.099
% Chi phí tăng thêm	%	41%	9%	9%	14%	28%	100%
Giá bán	1.000đ	27,7	33,7	38,7	43,7	55,7	
Lợi nhuận ròng	1.000đ	18.652	4.119	3.013	1.986	5.856	33.625
% Lợi nhuận ròng	%	55%	12%	9%	6%	17%	100%
Độ cân biên giá	1.000đ	27,7	6,0	5,0	5,0	12,0	55,7

Nguồn: Điều tra năm 2013

Bảng 6: Hiệu quả tài chính tổng hợp và đóng góp của ngành bưởi da xanh Bến Tre (2012)

	Đơn vị	Nông Dân	Thương lái	Thu gom-Sơ chế	Bán Sỉ	Bán Lẻ	Toàn Kênh
Doanh thu	triệu đ	1.070.605	1.302.505	1.495.755	1.689.005	2.152.805	
Cơ cấu	%	14%	17%	19%	22%	28%	100%
Giá trị gia tăng	triệu đ	1.024.909	230.354	175.858	188.689	460.364	2.080.174
Cơ cấu	%	49%	11%	8%	9%	22%	100%
Lợi nhuận ròng	triệu đ	720.892	159.199	116.452	76.759	226.317	1.299.620
Cơ cấu	%	55%	12%	9%	6%	17%	100%
Thu nhập LĐ thuê	triệu đ	51.765	13.528	42.902	42.164	51.533	201.891
Thu nhập LĐ nhà	triệu đ	207.059	16.233	5.798	24.595	85.889	339.574
Thu nhập tác nhân	triệu đ	927.951	175.432	122.250	101.346	312.206	1.639.185

(Nguồn: Điều tra năm 2013)

động theo hình thức gia đình với thu nhập giống như một người đi làm thuê nhưng cũng khá ổn định. Đầu vào từ các vừa bán sỉ là chủ yếu, một số lấy từ thương lái và nông dân nếu có quan hệ; đầu ra là người tiêu dùng cuối cùng.

Chi phí lớn nhất của tác nhân này là chi phí mua bưởi da xanh với hơn 87,7%, và hai chi phí lớn khác là chi phí lao động chiếm 7,1% và chi phí mặt bằng là 4%. Doanh thu trung bình 55,7 triệu đồng/tấn; trong đó chi phí trung gian 43,8 triệu đồng/tấn tương đương 79% và giá trị gia tăng 11,9 triệu đồng/tấn tương đương 21%. Sau khi trừ đi các chi phí thì lợi nhuận ròng đạt 5,9 triệu đồng/tấn. Hiệu quả kinh doanh trên 1 đồng chi phí trung gian của tác nhân cửa hàng bán lẻ cao hơn so với tác nhân khác trong chuỗi và chỉ thấp hơn nông dân. Chỉ số doanh thu trên chi phí trung gian 1,27 lần; chỉ số giá trị gia tăng trên chi phí trung gian 0,27 lần và chỉ số lợi nhuận ròng trên chi phí trung gian 0,13 lần.

Phân tích hiệu quả kinh tế và đóng góp của chuỗi

Hiệu quả tài chính và phân phối lợi ích trong chuỗi

Hiệu quả sử dụng vốn và việc phân chia lợi ích tính trên 1 tấn bưởi giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre khá phù hợp và công bằng, đặc biệt là đối với người nông dân (Bảng 1). Doanh thu của chuỗi đạt 55,7 triệu đồng/tấn, trong đó chi phí trung gian chỉ có 1,9 triệu đồng/tấn và giá trị gia tăng lên tới 53,8 triệu đồng/tấn. Doanh thu trung bình của nông dân khoảng 318 triệu đồng/ha/năm, sau khi trừ đi chi phí cho lợi nhuận ròng là 214 triệu đồng/ha/năm, và thu nhập lên tới 276 triệu đồng/ha/năm. Đây là mức thu nhập khá cao so với các loại cây trồng khác. (Bảng 5)

Chỉ số hiệu quả kinh tế trên 1 đồng vốn trung gian (như P/IC, VA/IC và NPr/IC) của nông dân rất cao thể hiện rằng người nông dân trồng bưởi da xanh sử dụng nguồn nội lực bên trong là chủ yếu và ít sử dụng nguồn lực bên ngoài. Các chỉ số của tác nhân khác như thương lái, thu gom sơ chế, bán sỉ và bán lẻ khá thấp so với nông dân nhưng đó là mức hợp lý và hiệu quả so với các ngành khác trong lĩnh vực thương mại và sơ chế.

Việc phân bổ lợi nhuận cũng

khá hợp lý, người nông dân và bán lẻ là tác nhân có chi phí tăng thêm cao nhất tính trên 1 tấn bưởi và cũng có mức lợi nhuận ròng cao nhất. Các tác nhân khác tuy có % lợi nhuận thấp nhưng với sản lượng lớn nên tổng thu nhập sẽ cao, đặc biệt là tác nhân thu gom sơ chế và bán sỉ có sản lượng có thể lên tới hơn 1 ngàn tấn/năm.

Hiệu quả tài chính tổng hợp và đóng góp xã hội

Diện tích vườn bưởi da xanh trên toàn tỉnh Bến Tre năm 2012 là 4.528 ha, trong đó diện tích đang cho thu hoạch là 3.142 ha và cho sản lượng là 38.650 tấn (Cục thống kê Bến Tre, 2013). Từ số liệu về sản lượng bưởi da xanh trong một năm và hiệu quả kinh doanh của 1 tấn bưởi da xanh cho ra số liệu tổng hợp về hiệu quả tài chính chung và đóng góp của ngành bưởi da xanh Bến Tre như trong Bảng 6.

Về khía cạnh tài chính theo năm 2012, ngành bưởi da xanh Bến Tre mang lại doanh thu cho người nông dân là hơn 1.070 tỷ đồng, và tổng doanh thu tạo ra cho các tác nhân là hơn 2.152 tỷ đồng. Chuỗi giá trị bưởi da xanh tạo ra tổng giá trị gia tăng



là hơn 2.080 tỷ đồng; trong đó người nông dân chiếm tới 49% cơ cấu giá trị gia tăng, như vậy có thể thấy rằng nông dân (người sản xuất) là tác nhân chính tạo ra giá trị gia tăng cho toàn ngành, tổng các tác nhân còn lại chỉ chiếm 51%, trong đó bán lẻ chiếm 22%. Chuỗi giá trị bưởi da xanh tạo ra lợi nhuận ròng là hơn 1.299 tỷ đồng, trong đó người nông dân được hưởng tới 55%, điều này là do thiếu cung. Tác nhân thu gom sơ chế và bán sỉ là hai tác nhân có % lợi nhuận thấp nhất nhưng có sản lượng lớn nên tổng thu nhập của một cơ sở khá cao. Chuỗi giá trị tạo ra hơn 541 tỷ đồng lương cho người lao động, trong đó lao động thuê ngoài 201 tỷ đồng và lao động trong gia đình 339 tỷ đồng (Bảng 6).

Kết luận và gợi ý chính sách

Chuỗi giá trị bưởi da xanh Bến Tre có lợi thế tuyệt đối lớn so với những giống bưởi khác và vùng khác trong và ngoài nước. Bưởi da xanh có hiệu quả kinh tế cao và đóng góp nhiều cho kinh tế. Năm 2012, bưởi da xanh có sản lượng năm 38.650 tấn, tạo ra doanh thu cho người nông dân là hơn 1 ngàn tỷ đồng, và tổng doanh thu cho toàn bộ chuỗi giá

trị là hơn 2.152 tỷ đồng và tạo ra hơn 2.080 tỷ đồng giá trị gia tăng cho xã hội; mang lại hơn 927 tỷ đồng thu nhập cho nông dân và 1.639 tỷ đồng thu nhập cho toàn bộ các tác nhân trong chuỗi giá trị. Thu nhập nông dân trung bình là 86 triệu đồng/năm/hộ hay tương đương với hơn 276 triệu đồng ha/năm, là mức thu nhập khá cao đối với ngành nông nghiệp nói chung.

Tuy nhiên, với xu hướng chuỗi giá trị bưởi da xanh vẫn còn những vấn đề trước mắt và tiềm ẩn những khó khăn trong tương lai. Vì vậy, để ngành bưởi da xanh phát triển bền vững và đối phó với các vấn đề hiện tại, khó khăn trong tương lai tác giả kiến nghị tỉnh Bến Tre và các tổ chức, cá nhân có liên quan cần quan tâm nghiên cứu xử lý vấn đề trước mắt như sâu bệnh, bảo tồn giống bưởi da xanh chất lượng tốt, mở rộng các mô hình liên kết và mô hình tổ hợp tác trong sản xuất bưởi da xanh theo tiêu chuẩn Việt GAP và Global GAP từ cơ sở đó hình thành kênh tiêu thụ ổn định và chuyên nghiệp tại thị trường trong và ngoài nước●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Benjamin(2011). Japan Continues to be a Lead Market for U.S. Agriculture. Grobal Agricultural Information Network, USDA
- CBI (2009). Fresh fruit and vegetables: The EU market for pomelo. CBI Market Survey
- Chika (2012). Japan Exporter Guide. Grobal Agricultural Information Network, USDA
- Cục Thống kê Bến Tre(2013). Niên Giám Thống kê 2012.
- Fabien Tallec et al (2005). Commodity Chain Analysis - Financial Analysis. FAO Analytical tools, Module 044
- GTZ (2007). Value Links Manual: The Methodology of Value Chain Promotion. First Edition.
- JETRO (2011). Guidebook for Export to Japan - Food Articles 2011. Tokyo
- M4P (2008). Making value chains work better for the poor. A toolbook for practitioners of value chain analysis.3rd version. M4P Project, UK DFID
- Sở NN & PTNT Bến Tre(2010). Thuyết minh và báo cáo dự án 4000 ha bưởi da xanh Bến Tre.
- Tani (2012). EU Exporter Guide for Fresh Fruit and Vegetables. Grobal Agricultural Information Network, USDA
- Trần Tiến Khai và cộng sự (2011). Báo cáo nghiên cứu phân tích chuỗi giá trị Dừa Bến Tre. IFAD và UBND tỉnh Bến Tre.